TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2023
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Luốc;

2. Ông Lữ Minh Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2023/HNGD-ST ngày 13-6-2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thu V - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: Ấp 7, xã PT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân T - Sinh năm 1985 - Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-6-2023, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Hồ Thị Thu V trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Nguyễn Xuân T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An ngày 19-9-2014; Chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T có tính bạo hành gia đình, mỗi lần gây gổ ông T kiếm chuyện đánh bà, bà đã chịu đựng và tìm cách làm cho ông T thay đổi nhưng không có kết quả. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Xuân T;

Về nuôi con chung: Bà yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hồ Ngọc T2, sinh ngày 02-12-2014 (đang sống với bà), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Vụ án không hòa giải đoàn tụ được vắng mặt bị đơn;

- Ngày 13-6-2023, bà Hồ Thị Thu V có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Nguyễn Xuân T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hồ Thị Thu V khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Nguyễn Xuân T; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Bị đơn là ông T được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà V và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 19-9-2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà V:

Bà V cho rằng mâu thuẫn phát sinh từ tháng 11 năm 2015 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T có tính bạo hành gia đình, mỗi lần gây gổ ông T kiếm chuyện đánh bà, bà đã chịu đựng và tìm cách làm cho ông T thay đổi nhưng không có kết quả, bà và ông T đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay.

Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn và cho đến nay, bà V và ông T không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, bà V và ông T vẫn còn sống ly thân, mỗi người vẫn tự lo

cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau; ông T biết được việc bà V khởi kiện ly hôn nhưng vẫn không có ý kiến, không có mặt tham gia hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, ông T không có ý chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà V yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Xét về nuôi con chung:

[6.1] Xét việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà V: Xét con chung tên Nguyễn Hồ Ngọc T2, sinh ngày 02-12-2014 (giới tính nữ), sống với bà V từ nhỏ đến nay, hiện con chung có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với bà V, việc thay đổi người trực tiếp nuôi và môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc con chung và sự phát triển bình thường về tâm lý, sinh lý của con chung. Do đó yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà V là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6.2] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6.3] Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà V và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà V trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 và Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà V đã nộp đủ án phí; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Hồ Thị Thu V được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Hồ Thị Thu V được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hồ Ngọc T2, sinh ngày 02-12-2014 (đang sống với bà V); Ông Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà V và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị Thu V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004644 ngày 13-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà V đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn ĐT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương